

ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ HIỆU QUẢ VÀ CƠ CẤU LẠI HỆ THỐNG NGÂN HÀNG - HAI NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2012

TS. Nguyễn Văn Bình

Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Năm 2011 với biết bao khó khăn, thách thức đã đi qua. Nhìn lại, chúng ta có thể tự hào thấy rằng mặc dù phải đối mặt với diễn biến phức tạp, khó lường từ nền kinh tế thế giới và những yếu kém, khó khăn từ nội tại nền kinh tế nước ta, nhưng với những quyết sách kịp thời, quyết liệt của Đảng, Nhà nước, thể hiện rõ nhất tại Kết luận 02-KL/TW ngày 16/3/2011 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ và sự nỗ lực của toàn hệ thống chính trị, nước ta đã từng bước vượt qua khó khăn, kiểm chế thành công lạm phát, đảm bảo được ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì được mức tăng trưởng khá, nhập siêu giảm mạnh nhất trong nhiều năm trở lại đây, cán cân thanh toán quốc tế thặng dư sau 3 năm liên tục thâm hụt, bội chi ngân sách thấp hơn kế hoạch đề ra từ đầu năm, an sinh xã hội được đảm bảo với số hộ nghèo giảm 2% và tạo thêm được 1,6 triệu việc làm mới, chính trị - xã hội ổn định. Những thành tựu này sẽ tạo đà cho việc thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 đã được Đại hội lần thứ XI của Đảng, Quốc hội khoá XIII và Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2015 xác định.

Cùng với các cấp, các ngành, ngành Ngân hàng cũng tự hào đã có những đóng góp rất quan trọng vào thành tựu chung của đất nước trong năm qua, trong đó có 2 đóng góp mang tính đột phá quan trọng: *Một là*, sự chuyển biến căn bản trong hoạt động tín dụng; *Hai là*, lập lại trật tự, kỷ cương trên thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng và đặt nền móng đầu tiên cho quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng.

Sự chuyển biến căn bản trong hoạt động tín dụng của hệ thống ngân hàng thể hiện rõ nét dưới 2 góc độ. *Thứ nhất*, với chính sách “thắt lưng buộc bụng”,

hệ thống ngân hàng đã kiềm chế được tốc độ tăng trưởng tín dụng ở mức thấp chưa từng có trong suốt 15 - 20 năm qua (khoảng 12 - 13%). Chính nhờ kết quả này mà lạm phát đã được kiềm chế thành công ở mức 18,12%, nhập siêu giảm mạnh xuống mức 10% tổng kim ngạch xuất khẩu. *Thứ hai*, mặc dù tín dụng tăng trưởng ở mức thấp, nhưng cơ cấu tín dụng đạt được sự chuyển dịch mạnh mẽ với tín dụng phục vụ sản xuất tăng tới 18%, trong đó tín dụng nông nghiệp, nông thôn tăng khoảng 25% và tín dụng xuất khẩu tăng kỷ lục tới 58%. Tín dụng phi sản xuất giảm 20%, trong đó dư nợ cho vay đầu tư, kinh doanh chứng khoán giảm tới 43%. Nhờ đó, GDP vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng 5,8 - 6% và hiệu quả đầu tư của nền kinh tế được nâng cao.

Bước chuyển biến căn bản này thể hiện rất rõ khi chúng ta đem so sánh với hoạt động tín dụng ngân hàng trong 10 năm trở lại đây. Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, mức độ tăng trưởng tín dụng trung bình trong giai đoạn 2000 - 2010 lên tới 29,4%/năm, nếu tính riêng trong 5 năm 2006 - 2010 thì tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân lên tới 33,5%/năm, trong đó cá biệt có năm lên tới trên 50%/năm. Với tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân cao gấp hơn 2 lần so với năm 2011, nhưng tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn này chỉ dao động quanh mức 7 - 8,5% (riêng năm 2008, 2009 chỉ tăng ở mức 6,18% và 5,52%), cao hơn không đáng kể so với tốc độ tăng trưởng kinh tế của năm 2011. Như vậy là, hiệu quả tín dụng của hệ thống ngân hàng trong giai đoạn trước đây không cao, làm cho dư nợ tín dụng của hệ thống ngân hàng đã vượt xa so với GDP và điều này đã góp phần đẩy hệ số ICOR của Việt Nam lên mức cao hơn. Vì vậy, có thể thấy rằng, kiểm soát dư nợ tín dụng ở mức hợp lý so với tốc độ tăng trưởng GDP là một đòi hỏi khách quan của nền kinh tế để kiểm soát rủi ro và thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu trong giai đoạn hiện nay. Kết quả kiểm soát và chuyển dịch cơ cấu tín dụng trong năm 2011 đã tạo cơ sở, tiền đề cho

định hướng tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu tín dụng ngân hàng trong năm 2012 và các năm tiếp theo.

Ở một khía cạnh khác, kết quả này còn thể hiện quyết tâm chính trị và sự hy sinh của các tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc thực hiện chủ trương kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Đảng, Nhà nước. Chúng ta đều biết, tín dụng là kênh sinh lời chủ yếu của hầu hết các ngân hàng Việt Nam, trong đó tín dụng phi sản xuất thường mang lại lợi nhuận cao hơn cho các ngân hàng. Vì vậy, việc thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước về kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng dưới 20% trong suốt cả năm 2011 và giảm tỷ trọng dư nợ tín dụng phi sản xuất đã làm giảm đáng kể lợi nhuận của các tổ chức tín dụng. Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước ghi nhận và đánh giá cao sự đóng góp vì lợi ích quốc gia của các tổ chức tín dụng trong năm qua.

Khâu đột phá không kém phần quan trọng thứ hai trong năm 2011 của hệ thống ngân hàng là lập lại trật tự, kỷ cương trên thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng và đặt nền móng đầu tiên cho quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng trong bối cảnh hệ thống tiền tệ, ngân hàng của Việt Nam phải đối mặt với những khó khăn, thách thức quá lớn từ diễn biến kinh tế, tài chính, tiền tệ trong, ngoài nước và những yếu kém từ nội tại của hệ thống ngân hàng. Có những thời điểm, do khó khăn về thanh khoản, sự yếu kém về năng lực tài chính, quản trị, điều hành và ý thức chấp hành pháp luật không tốt, một số tổ chức tín dụng đã vi phạm quy định về trần lãi suất huy động, hạch toán sai tính chất một số nghiệp vụ ngân hàng, tạo phản ứng lan truyền trong toàn hệ thống, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định của thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, với sự quyết liệt của Ngân hàng Nhà nước và quyết tâm, nỗ lực của toàn hệ thống tổ chức tín dụng, thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong những tháng cuối năm đã dần trở lại đúng bản chất và có nhiều chuyển biến tích cực, điểm mạnh, điểm yếu của từng tổ chức tín dụng cũng

như toàn hệ thống ngân hàng bộc lộ rõ. Điều này đã mang lại cả thách thức và thời cơ, là đòi hỏi khách quan và chủ quan để tiến hành quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng. Vì vậy, từ cuối năm 2011, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước cũng như các tổ chức tín dụng đã có sự nhìn nhận đúng đắn, khách quan hơn và có quyết tâm chính trị cao hơn, định hướng, giải pháp rõ ràng hơn trong tiến trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng. Theo đó, trong tháng 11 và 12/2011, Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ, báo cáo Bộ Chính trị Đề án tổng thể tái cấu trúc hệ thống ngân hàng giai đoạn 2011 - 2015 với quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp và lộ trình cụ thể.

Về quan điểm, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng không phải là vấn đề mới vì nó đã diễn ra thường xuyên, liên tục cùng với quá trình đổi mới của đất nước trong suốt 25 năm qua, nhất là từ sau khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính năm 1996 - 1998 và sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Điểm mới căn bản của quá trình tái cấu trúc lần này, ngoài ý nghĩa là sự tự vận động, tự hoàn thiện trong quá trình phát triển, hệ thống ngân hàng còn phải đạt được sự chuyển biến căn bản về chất để đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu, góp phần thực hiện thành công mục tiêu đưa Việt Nam phát triển nhanh, bền vững và đến năm 2020 trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Vì vậy, tất cả các tổ chức tín dụng dù lành mạnh hay yếu kém, dù quy mô hoạt động lớn hay nhỏ đều phải cải cách mạnh mẽ, toàn diện để có đủ sức đáp ứng được đòi hỏi của nền kinh tế trong giai đoạn mới.

Về mục tiêu, đảm bảo hoạt động của hệ thống ngân hàng lành mạnh, hiệu quả, ngày càng phù hợp hơn với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, có khả năng cạnh tranh và ứng phó tốt trong quá trình hội nhập với nhiều biến động phức tạp, khó lường; có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu vốn và dịch vụ ngân hàng có chất lượng, phục vụ tốt quá trình chuyển đổi và phát triển kinh tế - xã

hội của đất nước và đảm bảo người dân được tiếp cận ngày càng sâu, rộng với mọi loại hình dịch vụ ngân hàng. Tạo ra một hệ thống ngân hàng đa dạng về loại hình, về sở hữu và về qui mô, trong đó, các ngân hàng thương mại nhà nước tiếp tục giữ vị trí chi phối trong hệ thống ngân hàng. Phần đầu sau 5 năm tái cấu trúc, không còn ngân hàng yếu kém, gây ảnh hưởng đến an toàn hệ thống và có khoảng 2 ngân hàng mạnh đủ sức cạnh tranh trong khu vực, có 10 - 15 ngân hàng đủ lớn làm trụ cột, nòng cốt cho hệ thống ngân hàng trong nước, các ngân hàng còn lại đáp ứng tốt nhu cầu của loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như hộ nông dân, hộ sản xuất kinh doanh.

Về nguyên tắc, phải hết sức thận trọng, làm đến đâu chắc đến đó, đảm bảo không để xảy ra đổ vỡ, rối loạn và mất an toàn hoạt động ngân hàng ngoài tầm kiểm soát của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Tiết giảm tối đa chi phí và tổn thất bằng cách dùng các tổ chức tín dụng có quy mô lớn hơn, lành mạnh hơn tham gia vào quá trình tái cấu trúc các tổ chức tín dụng quy mô nhỏ trên nguyên tắc tự nguyện và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, người đang hưởng thụ các dịch vụ ngân hàng.

Về phương pháp và lộ trình tiến hành. Bước đầu tiên của quá trình tái cấu trúc là giải quyết tốt vấn đề thanh khoản của các ngân hàng, nhất là các ngân hàng yếu kém và phân loại hệ thống ngân hàng thành 3 nhóm. *Nhóm một* là nhóm các ngân hàng có quy mô và năng lực đủ lớn để phát triển thành các ngân hàng trụ cột, có khả năng cạnh tranh trong khu vực và quốc tế. *Nhóm hai* là nhóm các ngân hàng lành mạnh nhưng quy mô nhỏ. *Nhóm ba* là nhóm các tổ chức tín dụng yếu kém cần phải cấu trúc lại. Sau đó, sẽ ưu tiên tái cấu trúc các tổ chức tín dụng thuộc nhóm thứ ba thông qua các biện pháp như thay đổi cổ đông, nâng cao năng lực của cổ đông hoặc cho các tổ chức tín dụng trong nước khác tham gia góp vốn, mua lại hoặc sáp nhập. Tiếp đó, sẽ tập trung tái cấu trúc các ngân hàng thuộc nhóm 1 và nhóm 2 theo hướng nâng cao hệ số an

toàn, hiệu quả hoạt động, đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra sau 5 năm tái cấu trúc.

Đến nay, Ngân hàng Nhà nước đang triển khai tích cực bước đảm bảo thanh khoản và phân nhóm các tổ chức tín dụng. Đặc biệt, trong tháng 12/2011, đã có 3 ngân hàng đầu tiên tự nguyện hợp nhất dưới sự chỉ đạo sát sao của Thủ tướng Chính phủ, sự giám sát chặt chẽ của Ngân hàng Nhà nước, Thành ủy, Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và sự hỗ trợ toàn diện của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Bước đi này được chuẩn bị chu đáo, thận trọng nên về cơ bản, không gây xáo trộn lớn về kinh tế, chính trị, xã hội.

Cùng với 2 đột phá quan trọng nêu trên, trong năm 2011, Ngân hàng Nhà nước còn tạo được sự chuyển biến tích cực trong ổn định tỷ giá, bình ổn thị trường ngoại tệ, thị trường vàng và giảm đáng kể tình trạng đôla hoá, vàng hoá trong nền kinh tế. Thanh toán không dùng tiền mặt cũng tiếp tục có bước phát triển đáng kể với nhiều dịch vụ, tiện ích ngân hàng hiện đại được áp dụng. Mặc dù còn không ít tồn tại, hạn chế và yếu kém, nhưng những đóng góp của ngành Ngân hàng đã được Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành, các tổ chức quốc tế và các nhà đầu tư đánh giá cao.

Năm 2012 được coi là năm bản lề và có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015. Bên cạnh việc tiếp tục kiềm chế lạm phát, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội, Việt Nam còn đặt mục tiêu triển khai quyết liệt chương trình tái cấu trúc lại nền kinh tế với 3 khâu đột phá là tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu doanh nghiệp mà trọng tâm là các doanh nghiệp nhà nước, tái cấu trúc lại hệ thống tài chính mà trọng tâm là hệ thống ngân hàng.

Thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong năm 2012, ngành Ngân hàng có 2 nhiệm vụ quan trọng hàng đầu cần triển khai quyết liệt, hiệu quả. *Một là*, chủ động điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ, góp phần kiểm soát lạm phát khoảng 9%, tăng trưởng kinh tế khoảng

6 - 6,5% và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước để ổn định thị trường tiền tệ, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. *Hai là*, triển khai quyết liệt, toàn diện, sâu sắc nhưng thận trọng quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng theo đúng lộ trình, mục tiêu đã đặt ra.

Để thực hiện nhiệm vụ thứ nhất, ngành Ngân hàng đã xác định mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong năm 2012 là kiểm soát tốc độ tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán ở mức 14 - 16% và kiểm soát tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng ở mức 15 - 17% với 6 nhóm giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, tiếp tục điều hành đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ nhưng với mức độ linh hoạt và chủ động cao hơn để kiểm soát tốt tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán, dư nợ tín dụng và ứng phó kịp thời với mọi diễn biến có thể xảy ra trên thị trường tiền tệ. Trong đó, lãi suất sẽ được điều hành một cách căn cơ để giảm dần mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay phù hợp với mục tiêu và diễn biến kiểm soát lạm phát.

Thứ hai, thực hiện giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các tổ chức tín dụng theo mức độ hoạt động lành mạnh, với nguyên tắc nhóm tổ chức tín dụng hoạt động lành mạnh hơn sẽ được tăng trưởng tín dụng cao hơn. Đồng thời, yêu cầu các tổ chức tín dụng kiểm soát chặt chẽ tốc độ tăng trưởng tín dụng từng quý và cả năm theo đúng chỉ tiêu được giao; tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn cho sản xuất nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhất là đáp ứng nhu cầu vay vốn lưu động và áp dụng công nghệ cao, xây dựng kho bãi, kho đông lạnh để bảo đảm, tích trữ nông sản trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; kiểm soát dư nợ cho vay bằng ngoại tệ và dư nợ cho vay lĩnh vực phi sản xuất ở mức hợp lý, trong đó ưu tiên đặc biệt cho nhu cầu xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp, ký túc xá sinh viên, phòng trọ công nhân các khu công nghiệp hoặc các khu định cư phục vụ việc giải tỏa mặt bằng.

Thứ ba, điều hành tỷ giá ổn định, phù hợp với các cân đối vĩ mô và tiếp tục kiểm soát chặt chẽ thị trường ngoại tệ, thị trường vàng để kiên quyết khắc phục một bước tình trạng đô la hoá, vàng hoá trong nền kinh tế, làm cơ sở để khắc phục triệt để trong các năm tiếp theo.

Thứ tư, chấn chỉnh, nâng cao tính chủ động và hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra của Ngân hàng Nhà nước để phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm khắc các hành vi vi phạm quy định và các hoạt động tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao của các tổ chức tín dụng, đảm bảo tất cả các tổ chức tín dụng hoạt động trong khuôn khổ pháp luật cho phép, chấm dứt tình trạng cạnh tranh không lành mạnh và vi phạm có tính hệ thống như năm vừa qua. Trong đó, cần phải coi hoạt động giám sát là công cụ quản lý chủ yếu, thường xuyên của Ngân hàng nhà nước và coi hoạt động thanh tra, kiểm tra trực tiếp là công cụ hỗ trợ đắc lực cho quá trình quản lý, giám sát.

Thứ năm, tiếp tục nâng cao chất lượng và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dự báo, thống kê tiền tệ, đặc biệt là hệ thống thống kê hoạt động của thị trường liên ngân hàng. Tập trung triển khai có hiệu quả đề án “Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác dự báo vĩ mô” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 674/QĐ-TTg ngày 10/5/2011.

Thứ sáu, chủ động thông tin, tuyên truyền chính xác, kịp thời về các chủ trương và giải pháp điều hành của Ngân hàng Nhà nước để định hướng và tạo sự đồng thuận, ủng hộ của dư luận đối với hoạt động của cả ngành Ngân hàng; đồng thời, kiểm soát chặt chẽ để ngăn chặn và xử lý kịp thời các thông tin nhạy cảm, sai sự thật, thiếu chính xác, không đúng định hướng của Đảng, Nhà nước và có khả năng gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động tiền tệ, ngân hàng.

Để triển khai quyết liệt, toàn diện, sâu sắc nhưng thận trọng quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng theo đúng mục tiêu, nguyên tắc và lộ trình đã đặt ra, trong năm 2012, Ngân hàng Nhà nước nói riêng và hệ thống ngân hàng nói chung, đặc biệt là các ngân hàng yếu kém phải nỗ lực hết mình để xử lý tốt

vấn đề thanh khoản, hoàn thành việc phân loại 3 nhóm ngân hàng và tái cấu trúc một bước các ngân hàng thuộc nhóm 3.

Để triển khai có hiệu quả nhiệm vụ nặng nề và khó khăn này, Ngân hàng Nhà nước cần tập trung mọi nguồn lực để triển khai và giám sát chặt chẽ tình hình hoạt động của từng tổ chức tín dụng cũng như toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, không để xảy ra xáo trộn hay đổ vỡ ngoài tầm kiểm soát. Khuyến khích các ngân hàng sáp nhập, hợp nhất, mua lại theo nguyên tắc tự nguyện, giám sát toàn diện và tạo mọi điều kiện thuận lợi để quá trình tái cấu trúc của các tổ chức tín dụng được triển khai an toàn, hiệu quả. Ưu tiên tái cơ cấu các tổ chức tín dụng yếu kém với sự hỗ trợ tích cực, toàn diện của các ngân hàng thương mại nhà nước hoặc ngân hàng thương mại cổ phần lớn và sự trợ giúp thích hợp của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước trên nguyên tắc chủ sở hữu tổ chức tín dụng phải chịu trách nhiệm đầu tiên và cuối cùng về những tổn thất xảy ra đối với tổ chức tín dụng, lợi ích của Nhà nước và tài sản của nhân dân phải được bảo vệ tốt nhất. Đối với tổ chức tín dụng yếu kém đến mức không thể trở lại hoạt động bình thường, Ngân hàng Nhà nước sẽ áp dụng các biện pháp xử lý đặc biệt theo quy định của pháp luật để kiên quyết loại bỏ các tổ chức này một cách có trật tự, bảo đảm kỷ luật thị trường và sự lành mạnh, an toàn của hệ thống ngân hàng.

Mỗi tổ chức tín dụng cần chủ động xây dựng phương án tái cấu trúc tổ chức mình với trọng tâm là xử lý nợ xấu, đảm bảo các tỷ lệ an toàn, lành mạnh tình hình tài chính; phát triển các hoạt động kinh doanh chính, giảm các lĩnh vực kinh doanh tiềm ẩn rủi ro cao, kém hiệu quả và từng bước chuyển dịch mô hình kinh doanh theo hướng giảm bớt sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng, tăng nguồn thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng; đổi mới quản trị ngân hàng phù hợp hơn với thông lệ, chuẩn mực quốc tế, trong đó chú trọng đổi mới hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của Ủy ban Basel; tăng tính minh bạch và tính đại chúng trong hoạt động ngân hàng.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn và diễn biến phức tạp, nhiệm vụ đặt ra cho Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng trong năm 2012 cũng như các năm tiếp theo vô cùng nặng nề để vừa khắc phục được những tồn tại, yếu kém trong nội tại hệ thống, vừa tiếp tục hoàn thành tốt vai trò là huyết mạch của nền kinh tế, góp phần thực hiện thành công mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020) đưa Việt Nam phát triển nhanh, bền vững và đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định; dân chủ, kỷ cương, đồng thuận. Vì vậy, trong năm 2012, ngành Ngân hàng cần phải tập trung cao độ nguồn lực và phát huy tối đa tính hệ thống để cùng chung sức, đồng lòng triển khai có hiệu quả hai nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu mà Đảng, Chính phủ đã giao phó, góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2012.